

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2020/HS-ST

Ngày 27 tháng 10 năm 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tạng, bà Trần Thị Hải Yến và ông Nguyễn Hữu Nam.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Tuyển và ông Đào Xuân Thiều - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đối với bị cáo:

Phạm Văn D, sinh năm 1992 tại Hà Nam; Nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn K và bà Lê Thị H; Có vợ là Bùi Thị L và có 01 con, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/8/2019 đến ngày 07/9/2019 chuyển tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an Hà Nam; Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn D:* Các Luật sư Phạm Đức T và Tạ Văn T - Công ty Luật TNHH A, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Tầng 2, số nhà 42, ngõ 91 Trần Duy H, phường T, quận C, thành phố Hà Nội; Có mặt.

- *Người bị hại:* Bà Bùi Thị V, sinh năm 1964; Trú tại: thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lê Văn H, sinh năm 1971 và anh Lê H, sinh năm 1992; Cùng trú tại: Thôn B, xã N, huyện T, tỉnh Hà Nam; Vắng mặt ông H, có mặt anh H.

+ Ông Phạm Văn K, sinh năm 1960; Trú tại: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Hà Nam; Có mặt.

* *Người làm chứng:* Ông Trương Công T; Chị Bùi Thị Hương L; Ông Bùi Văn C; Chị Bùi Thị L; Anh Lương Đăng K; Anh Lê Văn T; Có mặt ông T và chị L, còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình chung sống giữa Phạm Văn D và vợ là chị Bùi Thị L phát sinh mâu thuẫn nên chị L đã đưa con là Phạm Minh N, sinh năm 2019 về nhà bố đẻ là ông Bùi Văn C tại thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam ở. Giữa chị L, ông C, bà Bùi Thị V (là em gái ông C) và Phạm Văn D thống nhất D được gặp cháu N mỗi tuần một lần. Khoảng 08 giờ ngày 28/8/2019, D đến nhà ông C để gặp cháu N nhưng chị L và cháu N không có ở nhà ông C nên D đến nhà bà Bùi Thị V để nhờ bà V nói với ông C cho D được gặp con, nhưng bà V từ chối.

Do bức tức về việc gia đình nhà vợ không cho gặp con nên khoảng hơn 20 giờ ngày 28/8/2019, sau khi ăn cơm, uống rượu tại quán cơm “Điểm hẹn” ở Thôn B, xã N, huyện T, D đã nảy sinh ý định đến nhà bà V đâm bà V. Khi đi, D mang theo 01 con dao, loại dao bầu lưỡi bằng kim loại có chiều dài 25cm, bản dao rộng 4cm, mũi nhọn dắt ở thắt lưng bên phải rồi đi bộ sang nhà ông Lê Văn H tại Thôn B, xã N, huyện T mượn chiếc xe mô tô BKS 90H8-6559 và lấy 01 can nhựa màu trắng, nắp can màu đỏ, loại can 10 lít ở sân nhà ông H để đi mua xăng mang đến nhà bà V đốt. D điều khiển xe mô tô đi đến cây xăng Phú Gia ở thôn P, xã T, huyện T mua 200.000 đồng tiền xăng, được khoảng 10 lít đựng vào can nhựa mang theo rồi điều khiển xe chở theo can xăng đi thẳng đến nhà bà V.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến cổng nhà bà V, thấy cổng khoá, D dựng xe nhưng vẫn để nổ máy rồi gọi bà V “*Cô V ơi thằng cò nhà cháu có ở đây không*”. Lúc này bà V đang ngồi xem tivi cùng ông Trương Công T (là chồng bà V) tại gian giữa nhà chính, chị Bùi Thị Hương L (là cháu của bà V) và cháu Lê Bùi Hựu T, sinh năm 2019 (là con trai chị L) đang nằm trên giường kê

sau tử đứng trong gian nhà chính. Nghe có tiếng gọi, bà V đi ra cổng và trả lời “*Không, tôi cô không đón sang chơi, nó ở bên nhà bố cháu ấy*” thì D bảo bà V mở cổng cho D vào nhà chơi. Bà V mở một bên cánh cổng, D điều khiển cho xe mô tô đi vào trong sân vẫn để nổ máy và dựng sát hiên, cạnh bậc lên xuống. Ngay sau đó, D xách can xăng đi vào hiên gian giữa nhà chính rồi mở nắp, một tay xách can, một tay kéo mở cánh cửa nhà phía bên trái rồi bỏ dép đi chân đất để vào trong nhà. Tới khu vực cửa giáp ranh giữa trong nhà và ngoài hiên thì D một tay cầm quai, tay kia đỡ phần đáy can xăng vung từ phải qua trái rồi lại từ trái qua phải để đổ xăng ra nền nhà bà V rồi vứt can xăng xuống nền nhà. D lấy chiếc bật lửa gas màu vàng để trong túi áo ngực phía trước bên phải của mình ra cầm ở tay để bật lửa đốt. Lúc này ông T ngửi thấy mùi xăng và thấy D cầm bật lửa thì mắng “*Thằng này mày láo thế nhĩ*”, D liền quay mặt ra cửa nhìn về phía bà V thì bà V nói “*Thằng này nó đổ xăng đốt nhà mình*”, ông T đứng dậy bước chân trái ngang vị trí D đứng dùng cạnh bàn tay trái chặn vào yết hầu của D rồi tiếp tục dùng hai tay kẹp chặt cổ D bẻ ngửa về phía sau đẩy D ra cửa; bà V cũng dùng hai tay túm hai vạt áo phía trước của D kéo giật lùi ra ngoài thêm hè trước cửa nhằm không để cho D bật lửa đốt nhà. Nghe thấy tiếng bà V nói và ngửi thấy mùi xăng, chị Lan đang nằm trên giường kê sau tử đứng đã ôm cháu Hựu T chạy theo lối cửa bếp đi ra vườn đứng. D, ông T, bà V giằng co nhau từ vị trí bậc thêm hiên nhà ra đến bụi cây hoa râm bụt ngoài sân và giằng co với D đến gần cổng thì D dùng tay phải rút con dao dắt ở thắt lưng bên phải ra đâm một nhát trúng vào vùng ngực trái, sát nách của bà V, liền sau đó D cầm dao đâm một nhát về phía bụng bà V thì bị bà V dùng tay trái cầm lấy lưỡi dao, tay phải cầm bẻ lưỡi dao để ngăn cản không cho D đâm tiếp và tri hô “*Cướp, cướp*”. Lúc này anh Lường Đăng K và anh Lê Văn T đang thuê trọ gần nhà bà V chạy sang cùng ông T ngăn cản, trói D lại, báo chính quyền địa phương đến giải quyết và đưa bà V đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam.

Sau khi vụ việc xảy ra, cơ quan CSĐT đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, kết quả xác định:

Hiện trường nơi xảy ra vụ án tại gia đình ông Trương Công T ở thôn S, xã T, huyện T. Khuôn viên nhà ông Trương Công T chia làm 03 khu vực chính gồm: khu vực nhà ở phía tây; khu vực sân phía Đông Nam được lát xi măng nhẵn phẳng chiều dài nhất là 12m, chiều rộng nhất là 8,06m; khu vườn cây và chăn nuôi phía Đông Bắc. Khu nhà ở của gia đình ông Trương Công T được xây dựng liền khối hình chữ “L” gồm 02 đơn nguyên lần lượt là nhà ở chính quay hướng Nam, tiếp giáp góc Tây Nam về phía Nam là nhà ngang (thường gọi là nhà dưới). Phía trước nhà chính và nhà ngang là hiên nhà thông nhau tại góc Tây

Nam. Tiếp giáp phía Bắc nhà ở chính (phía sau nhà) là khu bếp, vệ sinh khép kín có cửa thông ra vườn phía Đông và Phía Tây.

* Khu nhà chính là nhà xây mái bằng một tầng có kích thước (8,2x4,03)m, nền nhà lát gạch mem màu xanh có độ dốc theo hướng từ Bắc về Nam, từ Tây sang Đông. Tường phía Nam có 02 cửa ra vào theo thứ tự từ Đông sang Tây lần lượt là cửa 1 và cửa 2. Tại vị trí cách góc Đông Nam 1,4m về phía Tây là cửa ra vào số 1, loại cửa gỗ song sắt bung kính hai cánh sơn màu nâu mở ra ngoài kích thước (1,18x2,16)m, mặt trong cửa có khuy kim loại dạng then cài, có khóa treo ở song sắt cánh phía Tây. Cách vị trí cửa này 2m về phía Tây là cửa ra vào số 2, loại cửa gỗ một cánh kích thước (0,8x2,17)m, cửa này mở ra ngoài thông xuống gian nhà dưới, mặt hướng vào nhà chính có khuy kim loại không khóa.

Đồ vật trong nhà chính được bố trí: Tại vị trí giáp tường góc Đông Bắc của gian nhà được kê 01 giường gỗ kích thước (2x1,6x0,4)m; cách bề mặt giường này 1,56m lên phía trên được lắp 01 bộ màn khung kim loại có kích thước tương ứng với giường. Cách cạnh phía Tây giường này 40cm về phía Tây, giáp tường phía Bắc được kê 01 tủ thờ bằng gỗ kích thước (2x0,47x1,12)m. Giáp tủ này về phía Nam, giữa gian nhà có 01 bộ bàn ghế gỗ, trong đó có 01 bàn kích thước (1,2x0,5x0,5)m, 02 ghế ngắn kích thước (0,6x0,6x0,86)m và 01 ghế dài kích thước (1,77x0,6x0,86)m. Tại vị trí giáp góc Tây Nam gian nhà trên được kê 01 giường gỗ kích thước (1,9x1,6x0,4)m. Giáp giường này về phía Đông có 01 tủ tường loại tủ gỗ kích thước (2,3x0,45x2,06)m. Trên nền nhà phòng khách phát hiện 01 (một) can nhựa màu trắng, kích thước (26 x 14 x 30)cm, can không có nắp đậy, miệng can đường kính 3,5cm, cách tường phía Nam phòng khách 66cm, đáy can gần nhất cách tường phía Nam phòng khách 80cm và cách phía Tây mép cửa ra vào phòng khách về hướng Tây theo đường vuông góc là 110cm, xung quanh can nhựa này và ở trên nền nhà, sát tường phía Nam phòng khách có vết loang bốc mùi nghi xăng, trên diện (3,9 x 1,1)m, ký hiệu đánh dấu vết này là (8).

* Khu nhà ngang (nhà dưới) được xây dựng dạng nhà lợp tôn lắp trần nhựa chống nóng, nền nhà được lát gạch mem sáng màu có kích thước (6,5x3,8)m, mặt gian nhà này quay hướng Đông. Trên tường phía Đông của gian này có 02 cửa ra vào loại cửa gỗ hai cánh sơn màu nâu mở ra ngoài theo thứ tự từ Bắc về Nam lần lượt là cửa 1 và cửa 2. Cách góc Đông Bắc về phía Nam 30cm là cửa ra vào số 1 kích thước (0,96x1,78)m. Cách vị trí cửa này 1,27m về phía Nam là cửa ra vào số 2 có kích thước (1,04x1,91)m. Cách cửa số 2 về phía Nam 1,36m có 01 cửa sổ loại cửa gỗ hai cánh mở ra ngoài kích thước (0,73x1,25)m. Trên tường phía Tây của gian này có 02 cửa sổ loại cửa gỗ hai cánh mở ra ngoài được sơn

màu nâu kích thước (0,75x1,16)m. Trên nền nhà tại vị trí giáp góc Tây Bắc kê 01 phản gỗ kích thước (2,07x1,56x0,3)m.

* Khu bếp và nhà vệ sinh được xây dựng dạng nhà mái bằng một tầng có 03 cửa ra vào lần lượt trên tường phía Nam, phía Đông và phía Tây. Tường phía Nam là cửa thông với gian nhà trên; cửa trên tường phía Tây là loại cửa gỗ một cánh mở ra ngoài sơn màu nâu kích thước (0,7x1,9)m; cửa trên tường phía Đông là loại cửa gỗ hai cánh mở ra ngoài sơn màu nâu kích thước (0,8x2,3)m; hai cửa này đều dẫn ra khu vực vườn cây và khu chăn nuôi của gia đình ông T.

Trên mặt sân láng xi măng, cách cổng ra vào về hướng Bắc 02m và cách phía Đông sân về hướng Tây 1,7m có 01 (một) áo phong màu trắng đã vo rồi, thấm dung dịch màu đỏ nghi máu, xung quanh có bám dung dịch tương tự trên diện (1,9 x 1,9)m ký hiệu (1). Cách vị trí dấu vết (1) về hướng Đông 2,1m phát hiện đám dung dịch dạng nhỏ giọt màu đỏ nghi máu, bám dính cả lên thân cây và ngói đỏ xếp xung quanh, trên diện (50 x 60)cm, cỏ cây xung quanh bị đổ rạp, ký hiệu là (4). Cách dấu vết (4) về hướng Đông 20cm phát hiện 01 (một) bật lửa ga, vỏ nhựa màu vàng, nhãn hiệu H-VIET, đầu bật lửa bọc kim loại màu trắng, kích thước bật lửa (7,3 x 2,5)cm, ký hiệu (4A). Bụi cây râm bụt ở phía Đông dấu vết (4) và (4A) bị đổ rạp từ Tây sang Đông, một số cành cây bị gãy. Tại vị trí cách mép cổng phía Đông về hướng Tây Bắc 6,9m và cách phía Đông sân láng xi măng về hướng Tây 65cm phát hiện 01(một) con dao kim loại dài 25cm, bản dao rộng nhất là 4,5cm, loại dao 01 lưỡi sắt, mũi nhọn, mũi bị cong vênh so với sống dao là 3,5cm, chuôi dao và phần lưỡi dao có bám dính chất dung dịch màu nâu đỏ nghi máu đã khô, ký hiệu là (5). Từ sân lên hè có (02) bậc lên xuống láng xi măng rộng 33cm, mỗi bậc cao cách nhau 16cm. Trên bề mặt bậc lên xuống thứ nhất (tính từ sân láng xi măng lên hè) cách đầu phía đông bậc lên xuống thứ hai 120cm và cách mép ngoài bậc lên xuống thứ nhất 15cm phát hiện 01 (một) nắp nhựa màu đỏ, đường kính 4cm, mặt phía ngoài nắp có in dòng chữ Viet Nhat, ký hiệu (6). Cách góc Đông Nam phòng khách về hướng Tây và ở mặt phía Nam phòng khách là cửa ra vào số 1 nhà chính, kích thước (1,18x2,16)m trạng thái mở. Nền hè trước cửa này có đặt 01 (một) tấm thảm nhựa màu xanh, mặt trên có nhiều gai nhựa mềm, kích thước (96 x 61)cm, bên dưới tấm thảm và trên nền hè thấm dẫm dung dịch có mùi nghi xăng, xung quanh tấm thảm này và tại bề mặt hè, bậc lên xuống trước cửa phòng khách có ẩm ướt, bốc mùi nghi xăng, trên diện (2,8 x 1,8)m, ký hiệu đám dấu vết này là (7).

Kết quả khám nghiệm hiện trường đã thu giữ: Chất dịch màu nâu đỏ nghi máu, tại vị trí số 01 được thấm trong bông gòn và đựng trong 01 hộp nhựa có

nắp đây, đã niêm phong dán kín, ký hiệu M1; thu chất dịch màu nâu đỏ nghi máu, tại vị trí số 04 được tìm trong bông gòn và đựng trong 01 hộp nhựa có nắp đây, đã niêm phong dán kín, ký hiệu M2; thu chất dịch màu nâu đỏ nghi máu, tại vị trí người đối tượng Phạm Văn D, sinh năm 1992 được tìm trong bông gòn và đựng trong 01 hộp nhựa có nắp đây, đã niêm phong dán kín, ký hiệu M3; thu 01 con dao kim loại mũi nhọn đã cũ, KT (25 x 4)cm, phần mũi dao bị cong, bề mặt lưỡi dao bám dính chất dịch màu nâu đỏ nghi máu được niêm phong trong hộp bìa catton dán kín, ký hiệu M4; thu 01 can nhựa màu trắng, loại can 10 lít, bên trong có chứa dung dịch màu xanh, có mùi nghi xăng, được niêm phong dán kín, ký hiệu M5; thu 01 nắp can nhựa màu đỏ, đường kính 4cm, mặt phía ngoài nắp có in dòng chữ Viet Nhat, đựng trong 01 hộp nhựa được niêm phong dán kín, ký hiệu M6; thu 01 bột lửa ga, vỏ nhựa màu vàng, nhãn hiệu H-VIET, đầu bột lửa bọc kim loại màu trắng, KT bột lửa (7,3 x 2,5)cm, được niêm phong dán kín, ký hiệu M7; thu 01 xe mô tô BKS 90H8 – 6559 và một số đồ vật khác có liên quan.

Kết quả đo nồng độ cồn của Phạm Văn D khi bị bắt giữ là 0,226 mg/l khí thở.

Ngày 29/8/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Hà Nam giám định mức độ tổn hại sức khỏe của bà V. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 115/19/TgT ngày 30/8/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Nam kết luận: *Tỷ lệ tổn thương cơ thể nạn nhân Bùi Thị V do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 03%; vết thương do vật sắc nhọn tác động trực tiếp từ trước về sau gây nên.*

Ngày 24/9/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Hà Nam giám định bổ sung mức độ tổn hại sức khỏe của bà V. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 126/19/TgT ngày 04/10/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Nam kết luận: *Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo kích thước lớn thành ngực trái, không ảnh hưởng chức năng: 08%; Sẹo kích thước nhỏ ô mô út bàn tay trái, không ảnh hưởng chức năng: 01%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể nạn nhân Bùi Thị V do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 09%; vết thương ngực trái do vật sắc nhọn tác động trực tiếp từ trước về sau gây nên, vết thương ô mô út bàn tay trái do vật có cạnh sắc gây nên. Đồng thời trung tâm pháp y tỉnh Hà Nam xác định: vùng ngực là vùng quan trọng, đặc biệt bên ngực trái vì bên trong khoang ngực có chứa tim và phổi là hai cơ quan rất quan trọng đối với sự sống của con người. Khi bị bất kỳ vật gì gây thương tích vào vùng ngực trái cũng đều gây nguy hiểm*

đến tính mạng; Thương tích thành ngực trái của bà Bùi Thị V nếu không cấp cứu kịp thời, có thể gây nguy hiểm đến tính mạng.

Ngày 03/9/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định hóa chất đối với dung dịch lỏng trong can nhựa đã thu giữ. Tại Bản kết luận giám định số 5132/C09-P4 ngày 16/9/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: *Chất lỏng đựng trong can nhựa, nắp màu đỏ gửi giám định là xăng; Xăng là chất dễ cháy và có gây nguy hiểm cho con người, mức độ nguy hiểm tùy theo hàm lượng và cách thức tác động đến con người.*

Ngày 19/11/2019, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam ra Quyết định trưng cầu giám định ADN đối với các mẫu nghi máu thu tại hiện trường. Tại Bản kết luận giám định số 7013/C09-TT3 ngày 23/12/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: *các mẫu ghi thu tại hiện trường (ký hiệu M1 và M2) đều là máu của bà Bùi Thị V; trên con dao ghi thu tại hiện trường (ký hiệu M4) có bám dính máu của bà Bùi Thị V.*

Về trách nhiệm dân sự: Bà Bùi Thị V yêu cầu bị cáo Phạm Văn D bồi thường thiệt hại về sức khỏe, với tổng số tiền là 90.000.000 đồng. Bị cáo Phạm Văn D đã tác động gia đình bồi thường cho bà Bùi Thị V sẽ là 40.000.000 đồng.

Cáo trạng số 33/CT-VKS-P2 ngày 10 tháng 9 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố Phạm Văn D về tội "*Giết người*" theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội "*Giết người*". Áp dụng điểm 1 khoản 1 Điều 123; Điều 15; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 57 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 09 năm đến 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/8/2019. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại, buộc bị cáo Phạm Văn D phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại bà Bùi Thị V tổng số tiền là 90 triệu đồng, trừ số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường là 40 triệu đồng, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là 50 triệu đồng. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam còn đề nghị về xử lý vật chứng và án phí.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố đối với bị cáo. Tại phiên

tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại; tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố của bị cáo tham gia quân đội nhân dân Việt Nam được coi là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn D thành khẩn khai nhận hành vi của mình như trong nội dung bản Cáo trạng; nhất trí bồi thường cho người bị hại với tổng số tiền là 90 triệu đồng; nhất trí với quan điểm của người bào chữa, không bổ sung gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe, với tổng số tiền là 90 triệu đồng.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn K không yêu cầu bị cáo D hoàn trả số tiền 40 triệu đồng mà ông K đã bồi thường cho người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi và tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn D khai nhận hành vi của mình đúng như trong nội dung bản Cáo trạng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với vật chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó đủ căn cứ kết luận: Cho rằng bà Bùi Thị V ngăn cản không cho Phạm Văn D gặp con nên khoảng 20 giờ 30 phút ngày 28/8/2019, D điều khiển xe mô tô, mang theo 01

con dao bầu (lưỡi dao bằng kim loại có chiều dài 25cm, bản dao rộng 4cm, mũi nhọn) và mua 200.000đ tiền xăng được khoảng 10 lít đựng trong can nhựa màu trắng, loại 10 lít đến nhà bà Bùi Thị V ở thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam. Tại phòng khách nhà bà V, lúc này có bà V, ông Trương Công T, chị Bùi Thị Hương L và cháu Lê Bùi Hựu T (sinh năm 2019), Phạm Văn D mở nắp can xăng đổ ra sàn nhà rồi lấy bật lửa gas định bật, châm đốt thì bị bà V, ông T kịp thời phát hiện ngăn cản đẩy ra ngoài. Khi bị đẩy ra đến gần cổng thì D dùng tay phải rút con dao dắt ở thắt lưng bên phải ra, đâm một nhát trúng vào vùng ngực trái sát nách của bà V, liền sau đó D cầm dao đâm một nhát về phía bụng bà V thì bị bà V dùng tay trái cầm lấy lưỡi dao, tay phải cầm bẻ lưỡi dao để ngăn cản không cho D đâm tiếp và tri hô thì được hàng xóm kịp thời chạy đến ngăn cản và bắt giữ D. Bà V bị thương tích, tổn hại sức khỏe là 09%.

Hành vi đổ 10 lít xăng (là chất rất dễ cháy và nếu cháy thì rất nguy hiểm) ra gian nhà rộng khoảng 36m² chỉ có 01 cửa mở còn các cửa khác đều đóng và trong nhà có 04 người, trong đó có cháu bé sinh năm 2019, nếu bị cáo D châm lửa đốt thì hậu quả chết người sẽ xảy ra. Bị cáo D không thực hiện được hành vi châm lửa đốt là do được ngăn chặn kịp thời.

Hành vi dùng dao bầu là hung khí rất nguy hiểm, đâm vào ngực trái và bụng bà V là vị trí sung yếu trên cơ thể, rất nguy hiểm đến tính mạng của bà V. Hậu quả chết người không xảy ra là do có phần may mắn và do bà V đã nắm được lưỡi dao khi bị cáo tiếp tục đâm vào ổ bụng bà V, đồng thời được ông T và những người khác khống chế kịp thời.

Trước và trong khi thực hiện các hành vi nêu trên, bị cáo Phạm Văn D buộc phải nhận thức được hậu quả chết người và có thể chết nhiều người xảy ra nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Như vậy, bị cáo D thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Văn D đã phạm vào tội “Giết người” thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, với tình tiết định khung “*bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn D là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của bà V, nếu không được ngăn chặn kịp thời thì sẽ xâm phạm đến tính mạng của người khác. Đồng thời, hành vi phạm tội của bị cáo gây mất trật tự trị an xã hội, hoang mang lo lắng, bất bình trong nhân dân địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và đáp ứng yêu cầu đấu tranh và phòng ngừa tội phạm chung.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt nên hình phạt được quyết định theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 57 Bộ luật hình sự.

[4] Về quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Theo Nghị quyết số [01/2000/NQ-HĐTP](#) ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tình tiết “bố của bị cáo tham gia quân đội nhân dân Việt Nam” không được coi là tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Tuy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội thì không thể áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Do đó, quan điểm của người bào chữa cho rằng tình tiết “bố của bị cáo tham gia quân đội nhân dân Việt Nam” được coi là tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Thiệt hại về sức khỏe của bà V do bị cáo D gây nên, lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo nên bị cáo phải bồi thường toàn bộ theo quy định tại Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa, giữa bị cáo và người bị hại thỏa thuận bị cáo Phạm Văn D phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà Bùi Thị V, với tổng số tiền là 90.000.000 đồng; số tiền 40.000.000 đồng gia đình bị cáo đã bồi thường được đối trừ; bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 50.000.000 đồng. Sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Tại phiên tòa, ông Phạm Văn K không yêu cầu bị cáo D phải hoàn trả số tiền 40 triệu đồng mà ông K đã bồi thường cho người bị hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Ngày 12/8/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô BKS 90H8 - 6559 và giấy tờ có liên quan cho ông Lê Văn H nên Hội đồng xét xử không xem xét; Các vật chứng còn lại không có giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm *l* khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 38; Điều 50; Điều 57 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội “*Giết người*”.
2. Xử phạt Phạm Văn D 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 29/8/2019.
3. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại tại phiên tòa, buộc bị cáo Phạm Văn D phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà Bùi Thị V với tổng số tiền là 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*). Số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) gia đình bị cáo Phạm Văn D đã bồi thường cho bà Bùi Thị V được đối trừ. Bị cáo Phạm Văn D còn phải tiếp tục bồi thường cho bà Bùi Thị V với số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường thiệt hại nêu trên, hàng tháng bị cáo phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành.

4. Tịch thu tiêu hủy: 01 áo phông màu trắng có dính dịch màu đỏ nghi là máu; 02 chiếc quần vải màu đỏ, đen; 01 chiếc áo bằng vải màu đỏ đen có bám dính chất màu nâu đỏ nghi là máu; 01 nắp nhựa màu đỏ đã được niêm phong;

01 dấu vết nghi máu đã được niêm phong; 01 bao thuốc lá nhãn hiệu White Horse bên trong có 14 điếu thuốc lá; 01 điếu cày đã được niêm phong; 01 hộp niêm phong được đóng gói kín có chữ ký giáp lai của Phạm Quỳnh N, Nguyễn Văn H và dấu niêm phong của Viện khoa học hình sự bên trong có 01 con dao và mẫu máu hoàn trả lại sau giám định; 01 bật lửa gas màu vàng đã qua sử dụng, miếng bật lửa đã bị hoen rỉ; 01 can nhựa màu trắng, bên trên thân can nhựa dập nổi các số 2, 4, 6, 8, 10 bên trong có đựng dung dịch xăng hoàn lại mẫu vật sau giám định, tại vị trí miệng can có dán niêm phong có dấu đỏ của Viện khoa học hình sự Bộ Công an.

(Tình trạng đặc điểm vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/9/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam).

5. Bị cáo Phạm Văn D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, có quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng NVHS Công an tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu HS, Tòa hình sự, Bộ phận HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Hải